

Số: 760 /VEAM-TCKT

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2023

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế
thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) với mã chứng khoán VEA giải trình về lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo tài chính riêng (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2023 và 9 tháng đầu năm 2023 thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước như sau:

1. Báo cáo tài chính riêng (Công ty mẹ)

**Bảng 1.1: Biến động kết quả hoạt động kinh doanh
Quý III năm 2023**

CHỈ TIÊU	Quý III/2023	Quý III/2022	Chênh lệch	
	(VND)	(VND)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Doanh thu thuần về BH & CCDV	69.742.935.488	119.321.321.859	(49.578.386.371)	-42%
Giá vốn hàng bán	65.567.462.016	110.561.907.612	(44.994.445.596)	-41%
Lợi nhuận gộp về BH & CCDV	4.175.473.472	8.759.414.247	(4.583.940.775)	-52%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.229.118.486.054	930.181.295.470	298.937.190.584	32%
Chi phí tài chính	13.202.337.549	1.277.466.978	11.924.870.571	933%
Trong đó: Chi phí lãi vay	12.703.561.644	-	12.703.561.644	
Chi phí bán hàng	5.952.934.560	6.544.865.203	(591.930.643)	-9%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	41.918.914.748	38.763.991.976	3.154.922.772	8%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.116.041.760.813	853.215.123.265	262.826.637.548	31%

Lợi nhuận sau thuế TNDN Công ty mẹ Quý III năm 2023 tăng 31% tương đương 262.826.637.548 đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu hoạt động tài chính (cổ tức, lợi nhuận được chia từ các đơn vị có vốn góp của VEAM, lãi tiền gửi ngân hàng) tăng 32% tương đương 298.937.190.584 đồng.



**Bảng 1.2: Biến động kết quả hoạt động kinh doanh
9 tháng đầu năm 2023**

CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2023 đến 30/9/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/9/2022	Chênh lệch	
	(VND)	(VND)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Doanh thu thuần về BH & CCDV	247.088.556.466	424.875.600.060	(177.787.043.594)	-42%
Giá vốn hàng bán	228.189.758.882	388.012.646.915	(159.822.888.033)	-41%
Lợi nhuận gộp về BH & CCDV	18.898.797.584	36.862.953.145	(17.964.155.561)	-49%
Doanh thu hoạt động tài chính	7.638.579.681.752	5.709.312.157.277	1.929.267.524.475	34%
Chi phí tài chính	39.168.745.672	(5.005.251.288)	44.173.996.960	883%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>38.680.489.774</i>	<i>-</i>	<i>38.680.489.774</i>	
Chi phí bán hàng	16.350.897.355	21.297.230.086	(4.946.332.731)	-23%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	109.661.776.000	102.318.219.845	7.343.556.155	7%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.343.012.547.526	5.525.489.444.757	1.817.523.102.769	33%

Lợi nhuận sau thuế TNDN Công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2023 tăng 33% tương đương 1.817.523.102.769 đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu hoạt động tài chính (*cổ tức, lợi nhuận được chia từ các đơn vị có vốn góp của VEAM, lãi tiền gửi ngân hàng*) tăng 34% tương đương 1.929.267.524.475 đồng.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất

**Bảng 2.1: Biến động kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Quý III năm 2023**

CHỈ TIÊU	Quý III/2023 (VND)	Quý III/2022 (VND)	Chênh lệch	
			Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Doanh thu thuần về BH & CCDV	884.416.152.540	1.231.961.409.429	(347.545.256.889)	-28%
Giá vốn hàng bán	748.018.568.544	1.072.530.974.186	(324.512.405.642)	-30%
Lợi nhuận gộp về BH & CCDV	136.397.583.996	159.430.435.243	(23.032.851.247)	-14%
Doanh thu hoạt động tài chính	335.000.320.377	225.624.093.975	109.376.226.402	48%
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	1.285.518.850.621	1.725.847.687.686	(440.328.837.065)	-26%
Chi phí bán hàng	21.288.388.458	26.828.200.477	(5.539.812.019)	-21%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	115.191.863.944	107.711.429.766	7.480.434.178	7%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	66.593.924.626	51.852.471.542	14.741.453.084	28%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.540.260.937.463	1.918.925.126.384	(378.664.188.921)	-20%

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất Quý III năm 2023 giảm 20% tương đương 378.664.188.921 đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do:

- Lợi nhuận gộp về BH & CCDV giảm 14% tương đương 23.032.851.247 đồng so với cùng kỳ năm trước;
- Doanh thu hoạt động tài chính (*phần lớn là lãi tiền gửi ngân hàng*) tăng 48% tương đương 109.376.226.402 đồng so với cùng kỳ năm trước;
- Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết giảm 26% tương đương 440.328.837.065 đồng so với cùng kỳ năm trước;
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng 28% tương đương 14.741.453.084 đồng so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là giải trình các lý do chính ảnh hưởng đến biến động lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo tài chính riêng (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2023 và 9 tháng đầu năm 2023 thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Ban kiểm soát;
- CBTT;
- Lưu: VT, TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Phạm Hà

